

QUẢN TRỊ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ, PHỔ THÔNG DÂN TỘC BÁN TRÚ VÀ PHỔ THÔNG CÓ HỌC SINH BÁN TRÚ TẠI VIỆT NAM

Lê Vũ Hà¹

Tóm tắt. Nghiên cứu này tập trung vào quản trị chuyển đổi số trong các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú tại Việt Nam. Thông qua khảo sát 5509 cán bộ quản lý và phỏng vấn bán cấu trúc với 17 cán bộ quản lý, nghiên cứu đã chỉ ra thực trạng triển khai chuyển đổi số tại các trường này. Kết quả cho thấy mức độ số hóa học liệu còn thấp, cơ sở hạ tầng công nghệ chưa đồng đều, năng lực sử dụng công nghệ của giáo viên cần cải thiện, và việc triển khai dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế. Nghiên cứu cũng xác định các nội dung cán bộ quản lý đã được tập huấn về quản trị chuyển đổi số. Từ đó, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện quản trị chuyển đổi số và xây dựng văn hóa số trong các trường này, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và tạo cơ hội bình đẳng cho học sinh dân tộc thiểu số trong kỷ nguyên số.

Từ khóa: Chuyển đổi số, quản trị chuyển đổi số, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú.

1. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang tạo ra những thay đổi sâu rộng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đòi hỏi các tổ chức và cá nhân phải thích ứng nhanh chóng. Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số trở thành xu hướng tất yếu, được hiểu là quá trình thay đổi từ mô hình tổ chức truyền thống sang tổ chức số bằng cách áp dụng các công nghệ mới như dữ liệu lớn, Internet vạn vật, điện toán đám mây, nhằm thay đổi phương thức quản trị, văn hóa tổ chức và hình thức làm việc.

Đối với ngành giáo dục, đặc biệt là trường phổ thông, chuyển đổi số đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Nó không chỉ cải thiện hiệu quả quản lý, mà còn tạo ra môi trường học tập số hóa, tương tác và cá nhân hóa, giúp học sinh phát triển toàn diện và chuẩn bị tốt hơn cho tương lai. Chuyển đổi số trong trường phổ thông còn góp phần thu hẹp khoảng cách giáo dục, tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục chất lượng cao cho mọi đối tượng học sinh. Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030", và gần đây nhất là Chỉ thị số 04/CT-TTg về triển khai thí điểm Học bạ số từ năm 2024. Những chính sách này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc thực hiện chuyển đổi số trong các trường phổ thông.

Với các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú, quản trị chuyển đổi số càng là vấn đề cần quan tâm thực hiện tốt.

Các trường này thường nằm ở vùng sâu, vùng xa, chuyển đổi số giúp kết nối các trường với hệ thống giáo dục chung, giảm thiểu bất lợi do vị trí địa lý. Quản trị chuyển đổi số hiệu quả giúp học sinh các vùng này tiếp cận sớm với công nghệ, thu hẹp khoảng cách số với học sinh ở các khu vực phát triển hơn. Chuyển đổi số cũng tạo cơ hội để số hóa, lưu trữ và chia sẻ các giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời tích hợp chúng vào chương trình giảng dạy hiện đại. Với đặc thù đa dạng về dân tộc và văn hóa, quản trị chuyển đổi số giúp xây dựng các chương trình học tập cá nhân hóa, phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng học sinh. Chuyển đổi

Ngày nhận bài: 18/01/2025. Ngày chỉnh sửa: 27/02/2025. Ngày nhận đăng: 15/03/2025.

¹ Khoa Quản lý, Học viện Quản lý giáo dục

Tác giả liên hệ: Lê Vũ Hà. Địa chỉ e-mail: levuha.niem@gmail.com

số giúp các nhà trường quản lý tốt hơn các hoạt động như ăn ở, sinh hoạt của học sinh nội trú/bán trú, đảm bảo an toàn và chất lượng cuộc sống cho học sinh. Quản trị chuyển đổi số còn giúp quản lý các nhà trường dễ dàng hơn trong minh bạch hóa các quy trình quản lý, tài chính, đặc biệt quan trọng trong việc quản lý các khoản hỗ trợ cho học sinh. Những lý do này nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của việc quản trị chuyển đổi số trong các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng miền.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu này tập trung tìm hiểu thực trạng triển khai chuyển đổi số trong các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú; những nội dung bồi dưỡng cho cán bộ quản lý để xác định các năng lực quản trị chuyển đổi số các cán bộ quản lý nhà trường đã được trang bị, từ đó đề xuất những việc cần thực hiện trong thực hiện quản trị chuyển đổi số trong nhà trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú tại Việt Nam.

2. Thực trạng quản trị chuyển đổi số cho cán bộ quản lý trường phổ thông

Nghiên cứu thực hiện khảo sát trên 5509 cán bộ quản lý các trường dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú kết hợp phỏng vấn bán cấu trúc 17 cán bộ quản lý nhà trường dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú tại tỉnh Thái Nguyên và An Giang nhằm đánh giá thực trạng thực hiện các nội dung chuyển đổi số tại các nhà trường và những nội dung cán bộ quản lý đã được bồi dưỡng. Cuộc khảo sát được thực hiện với 5509 giáo viên và cán bộ quản lý trường phổ thông, bao gồm các vị trí từ tổ trưởng chuyên môn (48,6%), phó hiệu trưởng (29%), hiệu trưởng (17%) đến tổ phó chuyên môn (5,4%); thâm niên công tác đa dạng, từ dưới 5 năm đến trên 20 năm, với phần lớn (53,4%) có thâm niên từ 20 năm trở lên; sự đa dạng này đảm bảo tính đại diện và độ tin cậy của thông tin thu thập được. Phỏng vấn bán cấu trúc với 17 cán bộ quản lý nhà trường dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú được thực hiện kết hợp cùng các nội dung khảo sát về nhu cầu bồi dưỡng cán bộ quản lý và góp ý 1 số chính sách giáo dục dưới dạng phỏng vấn nhóm; những nội dung không liên quan không được đề cập tới trong bài viết này.

2.1. Thực trạng thực hiện các nội dung chuyển đổi số tại trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú

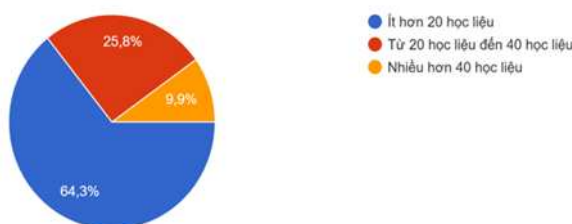
Về thực trạng triển khai chuyển đổi số trong trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú (xem bảng 1): Các nội dung về chuyển đổi số mà các nhà trường phổ thông đã triển khai hiệu quả nhất bao gồm: Kế hoạch ứng dụng CNTT (71,94%), phần mềm quản trị nhà trường (70,36%), hệ thống LMS/LCMS (52,99%), và phần mềm dạy học trực tuyến (48,60%). Bên cạnh đó vẫn còn những nội dung cần cải thiện như: Khai thác phòng studio (40,33% chưa triển khai), thi trên máy tính có kết nối (30,55% chưa triển khai), và tổ chức thi, kiểm tra trên phòng máy tính (26,06% chưa triển khai). Đáng chú ý, 88,62% trường đã có bộ phận chỉ đạo, phụ trách triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Con số này là một chỉ báo tích cực, thể hiện sự nghiêm túc và cam kết của các trường phổ thông trong việc thúc đẩy chuyển đổi số. Việc có một bộ phận chuyên trách mang lại nhiều ý nghĩa quan trọng: Việc có một đơn vị chuyên trách giúp các nhà trường tập trung nguồn lực, cả về nhân sự và tài chính, cho việc triển khai chuyển đổi số. Bộ phận này thường bao gồm những người có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về công nghệ thông tin, giúp đưa ra các quyết định và hướng dẫn phù hợp. Việc có một bộ phận riêng giúp quản lý và theo dõi tiến trình chuyển đổi số một cách có hệ thống và hiệu quả hơn. Bộ phận chuyên trách có thể đảm bảo quá trình chuyển đổi số được thực hiện liên tục và nhất quán, không bị gián đoạn do thay đổi nhân sự. Bộ phận này có thể đóng vai trò là điểm liên hệ chính cho các vấn đề liên quan đến công nghệ thông tin và chuyển đổi số, giúp giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả hơn. Sự hiện diện của một bộ phận chuyên trách có thể góp phần thúc đẩy văn hóa số trong toàn trường, khuyến khích giáo viên và học sinh tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng vẫn còn 11,38% trường chưa có bộ phận này. Đây có thể là do hạn chế về nguồn lực hoặc chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của chuyển đổi số. Việc hỗ trợ những trường này thành lập bộ phận chuyên trách sẽ là một bước quan trọng để đảm bảo quá trình chuyển đổi số được triển khai đồng đều trong toàn ngành giáo dục.

Bảng 1. Thực trạng triển khai chuyển đổi số trong trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú

Nội dung	Có %	Không %
Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến	81,32	18,68
Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến	64,73	35,27
Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến	82,76	17,24
Triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến(LMS)	79,29	20,71
Triển khai thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính; sử dụng phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN	63,31	36,69
Có phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	47,96	52,04
Phòng studio	48,67	51,33
Bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số	88,62	11,38
Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số	93,41	6,59
Phần mềm quản trị nhà trường	85,77	14,23

Về số hoá tài liệu(xem biểu đồ 1), 64,3% trường có dưới 20 tài liệu được số hóa, đây là một tỷ lệ đáng lo ngại, cho thấy phần lớn các trường vẫn chưa chú trọng đến việc số hóa tài liệu học tập. Điều này có thể do nhiều nguyên nhân như thiếu nguồn lực, thiếu kỹ năng số hóa, hoặc chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của học liệu số. 25,8% có 20-40 tài liệu, nhóm này đã có những bước tiến trong việc số hóa, nhưng vẫn còn hạn chế. Chỉ 9,9% nhà trường có trên 40 tài liệu số hóa: Đây là nhóm tiên phong trong việc xây dựng học liệu số, tuy nhiên tỷ lệ này còn rất thấp. Hạn chế trong việc xây dựng học liệu số ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy học trực tuyến. Học liệu số giúp học sinh tiếp cận thông tin dễ dàng hơn, tăng tính tương tác trong học tập, và cho phép giáo viên đa dạng hóa phương pháp giảng dạy. Thiếu học liệu số có thể làm giảm hiệu quả của quá trình dạy và học trực tuyến.

5.509 câu trả lời

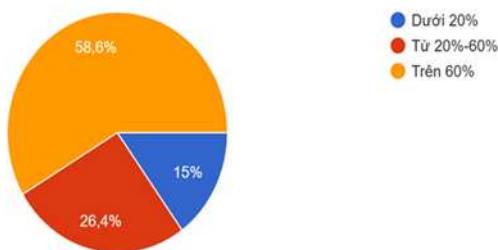


Biểu đồ 1. Mức độ số hóa học liệu ở các nhà trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú

Về trang bị thiết bị công nghệ(xem biểu đồ 2): 58,6% trường đã trang bị thiết bị công nghệ cho trên 60% lớp học, đây là một tín hiệu tích cực, cho thấy hơn một nửa số trường đã có sự đầu tư đáng kể vào cơ sở vật chất công nghệ. 26,4% trang bị cho 20-60% lớp học, nhóm các trường này đã có sự đầu tư, nhưng chưa đồng đều và cần được cải thiện thêm. 15% nhà trường mới được trang bị cho dưới 20% lớp học: Đây là nhóm các nhà trường cần được quan tâm đặc biệt, vì thiếu thiết bị công nghệ có thể gây ra sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục số. Sự chênh lệch này có thể do nhiều yếu tố như sự khác biệt về ngân sách giữa các trường, vị trí địa lý (trường ở thành thị và nông thôn), hoặc sự ưu tiên đầu tư của địa phương. Tình trạng này đặt ra thách thức lớn trong việc đảm bảo công bằng giáo dục. Học sinh ở những trường thiếu trang thiết bị có thể gặp bất lợi trong việc tiếp cận với các phương pháp giảng dạy hiện đại và nguồn tài nguyên học tập phong phú.

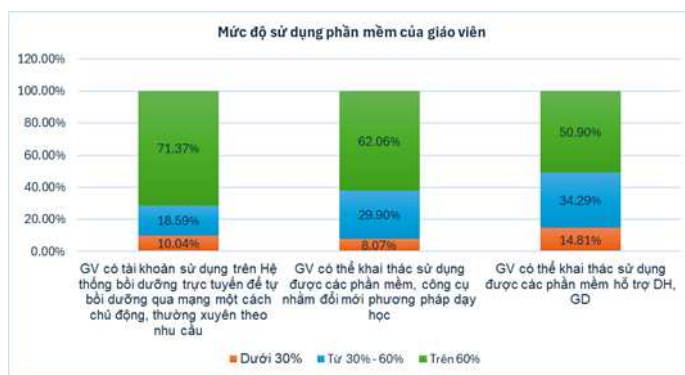
Về mức độ sử dụng các phần mềm trong tổ chức dạy học của giáo viên, các thông số được thể hiện tại biểu đồ 3 cho thấy: 71,37% trường có trên 60% giáo viên có tài khoản trên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến, điều này có nghĩa là ở phần lớn các trường, đa số giáo viên đã được tiếp cận với hệ thống bồi dưỡng trực tuyến. 62,06% trường có trên 60% giáo viên có khả năng tự khai thác phần mềm đối mới phương pháp dạy học, cho thấy ở hơn nửa số trường, phần lớn giáo viên đã có kỹ năng sử dụng công nghệ để đổi mới phương pháp giảng dạy. 50,9% trường có trên 60% giáo viên thành thạo sử dụng phần mềm hỗ trợ dạy học và giáo dục, nghĩa là ở khoảng một nửa số trường, đa số giáo viên đã thành thạo trong việc ứng dụng công nghệ vào

5.509 câu trả lời



Biểu đồ 2. Mức độ trang bị thiết bị công nghệ trên mỗi phòng học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú

giảng dạy. Như vậy có thể thấy, có sự chênh lệch giữa việc có tài khoản trên hệ thống bồi dưỡng và khả năng thực tế trong việc sử dụng công nghệ trong giảng dạy. Mặc dù nhiều trường có tỷ lệ cao giáo viên được tiếp cận với công nghệ, nhưng số trường có đa số giáo viên thực sự thành thạo sử dụng công nghệ trong giảng dạy còn hạn chế. Vẫn còn khoảng cách đáng kể giữa các trường trong việc ứng dụng công nghệ vào giảng dạy, cần có chiến lược đào tạo và hỗ trợ để nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ cho giáo viên, đặc biệt là ở những trường có tỷ lệ giáo viên thành thạo công nghệ thấp. Ngoài ra, việc có tài khoản trên hệ thống bồi dưỡng trực tuyến không đồng nghĩa với việc giáo viên có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ trong giảng dạy. Tóm lại, mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể, vẫn cần nỗ lực hơn nữa để đảm bảo việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy được thực hiện đồng đều và hiệu quả ở tất cả các trường.



Biểu đồ 3. Mức độ sử dụng phần mềm của giáo viên trong tổ chức dạy học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú

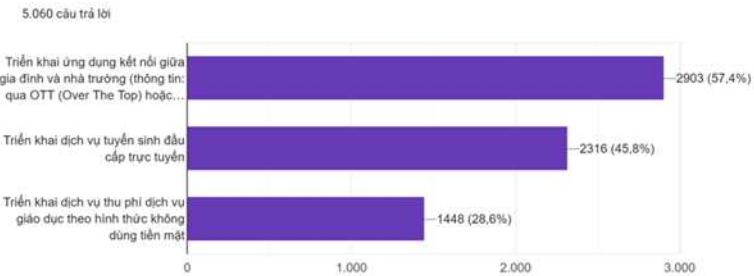
Về mức độ triển khai các dịch vụ công trực tuyến tại các trường phổ thông theo biểu đồ 4 cho thấy: 57,4% trường đã triển khai ứng dụng kết nối gia đình-nhà trường qua OTT hoặc mạng xã hội; 45,8% đã triển khai tuyển sinh đầu cấp trực tuyến; 28,6% áp dụng thu phí giáo dục không dùng tiền mặt. Những con số này cho thấy xu hướng tích cực trong việc số hóa các dịch vụ hành chính, tuy nhiên vẫn còn nhiều dư địa để cải thiện.

Kết quả khảo sát kết hợp cùng với phỏng vấn bán cấu trúc 17 cán bộ quản lý trường phổ thông tại hai tỉnh Thái Nguyên và An Giang, nghiên cứu đã xác định được một số khó khăn chính trong quản trị chuyển đổi số tại trường phổ thông:

1. Thiếu nguồn lực: Bao gồm hạn chế về tài chính, cơ sở vật chất không đầy đủ, và hệ thống mạng chưa đáp ứng yêu cầu.

2. Hạn chế về năng lực: Cán bộ quản lý và giáo viên chưa được tập huấn đầy đủ về chuyển đổi số, dẫn đến thiếu kiến thức và kỹ năng cần thiết.

- 3. Thái độ về sự thay đổi: Một bộ phận giáo viên e ngại việc thay đổi phương pháp làm việc truyền thống.
- 4. Thiếu kiến thức chuyên sâu: Đặc biệt là trong lĩnh vực bảo mật và quản lý dữ liệu số.
- 5. Vấn đề kỹ thuật: Sự không tương thích giữa các hệ thống và phần mềm số gây khó khăn trong việc tích hợp và sử dụng công nghệ mới.
- 6. Hợp tác từ phía phụ huynh: Một số ít phụ huynh chưa hợp tác hoặc đồng tình với quá trình chuyển đổi số.



Biểu đồ 4. Mức độ triển khai dịch vụ công trực tuyến tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú

2.2. Các nội dung cán bộ quản lý trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú đã được tập huấn về quản trị chuyển đổi số

Bảng 2 hiển thị các nội dung cán bộ quản lý ở trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú đã được tập huấn về quản trị chuyển đổi số thông qua tổng hợp từ bảng khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc, cho thấy cán bộ quản lý nhà trường đã được bồi dưỡng các nội dung như:

Công tác quản lý: Giúp CBQL nắm vững các công cụ số để quản lý hiệu quả hơn, như sử dụng chữ ký số, quản lý hồ sơ trên nền tảng điện tử, và sử dụng các phần mềm quản trị nhà trường. Những nội dung này có thể hỗ trợ làm tăng hiệu quả quản lý, giảm thời gian xử lý công việc hành chính, tăng tính minh bạch và an toàn trong quản lý dữ liệu.

Quản lý học sinh: Nâng cao khả năng quản lý thông tin học sinh một cách hệ thống, bảo vệ dữ liệu cá nhân, và theo dõi kết quả học tập. Nội dung này giúp cán bộ quản lý cải thiện việc ra quyết định dựa trên dữ liệu, tăng cường bảo mật thông tin, và hỗ trợ cá nhân hóa việc học tập.

Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục: Trang bị kỹ năng sử dụng công nghệ trong giảng dạy, quản lý kế hoạch bài giảng, và tổ chức dạy học trực tuyến. Nội dung này trang bị cho nhà quản lý khả năng nâng cao chất lượng dạy và học, tăng tính linh hoạt trong giáo dục, và chuẩn bị cho môi trường học tập kết hợp (blended learning).

Quản lý tài chính: Giúp CBQL hiểu và triển khai các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý tài chính số, tăng tính minh bạch trong quản lý tài chính, giảm rủi ro, và nâng cao hiệu quả quản lý nguồn lực.

Bảng 2. Nội dung cán bộ quản lý các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú đã được tập huấn về quản trị chuyển đổi số

Nội dung	Nội dung cụ thể
Công tác quản lý	Chữ ký số; Quản trị nhà trường; Các phần mềm; Tuyển sinh đầu cấp; Thiết lập mã QR; quản lý hồ sơ trên edoc, driver; Đưa hồ sơ cá nhân lên phần mềm quản lý.
Quản lý học sinh	Quản lý và bảo vệ dữ liệu; Quản lý kết quả học tập của học sinh; Quản lý hồ sơ học sinh.
Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục	Xây dựng bài giảng điện tử; Dạy học trực tuyến; LMS; Thực hiện ký nộp giáo án trên hệ thống; Soạn và duyệt kế hoạch bài dạy trên phần mềm Edoc.
Quản lý tài chính	Việc thu nộp kinh phí không sử dụng tiền mặt; Triển khai ứng dụng kết nối, thu phí dịch vụ giáo dục.

Như vậy, các cán bộ quản lý trường phổ thông ở trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú nhìn chung đã được tập huấn về bốn lĩnh vực chính: công tác quản lý, quản lý học sinh, quản trị hoạt động dạy học và giáo dục, và quản lý tài chính, mỗi CBQL đã được đào tạo từ 2-4 nội dung trong các lĩnh vực này.

3. Một số nội dung cần cải thiện trong quản trị chuyển đổi số và xây dựng văn hóa chuyển đổi số cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú tại Việt Nam.

Thứ nhất, cần tăng cường số hóa tài liệu học tập. Thực trạng cho thấy các nhà trường còn có số lượng tài liệu được số hóa khá khiêm tốn, gây khó khăn trong quá trình thực hiện dạy và học trong bối cảnh hiện nay, vì vậy rất cần đẩy mạnh việc số hóa tài liệu giảng dạy và học tập. Để thúc đẩy quá trình này, các cán bộ quản lý cần tích cực xây dựng kế hoạch và quy trình cụ thể để số hóa tài liệu hiện có. Đồng thời cần đào tạo giáo viên và cán bộ trợ giảng về cách tạo và sử dụng tài liệu số trong giảng dạy. Đối với các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú, để tạo điều kiện tốt hơn cho nâng cao chất lượng dạy và học có thể ưu tiên số hóa tài liệu giảng dạy song ngữ (tiếng Việt và tiếng dân tộc) cũng như xây dựng kho học liệu số phù hợp với đặc thù văn hóa các dân tộc.

Thứ 2, cần cải thiện cơ sở hạ tầng công nghệ: Kết quả khảo sát cho thấy các trường còn hạn chế nhiều trong việc trang bị thiết bị công nghệ cho lớp học, do vậy rất cần đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất công nghệ trong nhà trường. Ngoài ra còn cần đảm bảo kết nối internet ổn định và đủ mạnh cho nhà trường. Đây là những thách thức rất lớn đối với các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú tại Việt Nam. Để thực hiện tốt nội dung này, không chỉ các cán bộ quản lý các cấp xây dựng lộ trình rõ ràng để trang bị đầy đủ thiết bị cho lớp học mà còn cần sự chung tay hỗ trợ của các bên liên quan. Có thể triển khai song song cùng với các hoạt động tăng cường việc đảm bảo công bằng trong tiếp cận công nghệ như: Triển khai các chương trình hỗ trợ thiết bị học tập số cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Phát triển các giải pháp học tập số có thể sử dụng offline cho khu vực có kết nối internet không ổn định...

Thứ 3, cần nâng cao năng lực sử dụng công nghệ của giáo viên: Hiện nay, mới chỉ có 50,9% trường có trên 60% giáo viên thành thạo sử dụng phần mềm hỗ trợ dạy học. Đây là 1 con số cần được cải thiện sớm trong bối cảnh của yêu cầu đổi mới giáo dục và sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ. Các nhà quản lý nhà trường cần tổ chức các khóa đào tạo thường xuyên về ứng dụng công nghệ trong giảng dạy; tổ chức các tổ hỗ trợ về ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường; khuyến khích chia sẻ kinh nghiệm giữa các giáo viên về việc sử dụng công nghệ hiệu quả...

Thứ tư, mở rộng triển khai dịch vụ công trực tuyến: Hiện chỉ 57,4% trường triển khai kết nối gia đình-nhà trường qua OTT/mạng xã hội và 45,8% triển khai tuyển sinh đầu cấp trực tuyến. Đây cũng là 1 khó khăn khó khắc phục mang tính chất đặc thù của các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú tại Việt Nam với đặc thù riêng về tuyển sinh so với các trường học phổ thông khác, cùng với đa số cha mẹ học sinh là người dân tộc thiểu số không được tiếp cận nhiều với khoa học công nghệ, thậm chí có cha mẹ học sinh gặp khó khăn khi giao tiếp bằng tiếng Việt. Việc này đòi hỏi các nhà quản lý phải có lộ trình cụ thể để triển khai các dịch vụ công trực tuyến còn thiếu, nhưng cũng cần tinh giản quy trình cũng như có hệ thống hỗ trợ cha mẹ học sinh về sử dụng các dịch vụ này cho hiệu quả.

Thứ 5, phát triển chiến lược quản trị dữ liệu: Phát triển chiến lược quản trị dữ liệu là một bước quan trọng đối với các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú vì nhiều lý do. Trước hết, những trường này lưu trữ và xử lý một lượng lớn thông tin nhạy cảm về giáo viên và học sinh, đặc biệt là học sinh với dữ liệu cá nhân, học tập, lưu trú và y tế. Đối với các trường phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú có học sinh ở trọ ngoài nhà trường thì việc các thông tin lưu trú của học sinh còn được chia sẻ với nhiều bên liên quan để phối hợp quản lý gây nguy cơ mất an toàn cao. Việc bảo vệ những thông tin này không chỉ là trách nhiệm đạo đức mà còn là yêu cầu pháp lý. Ngoài ra, quản lý dữ liệu hiệu quả giúp cải thiện quy trình làm việc, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu và nâng cao chất lượng giáo dục. Để thực hiện điều này, trường cần xây dựng quy trình cụ thể về việc thu thập, lưu trữ và truy cập dữ liệu; triển khai các biện pháp bảo mật như mã hóa và kiểm soát truy cập; đồng thời tổ chức đào tạo cho cán bộ quản lý, giáo viên và cán bộ nhân viên nhà trường về an ninh mạng và bảo mật

thông tin... Việc này không chỉ giúp bảo vệ quyền riêng tư của học sinh và giáo viên mà còn tăng cường niềm tin của cha mẹ học sinh và cộng đồng đối với nhà trường.

Thứ 6, tăng cường năng lực quản trị chuyển đổi số cho cán bộ quản lý: Tăng cường năng lực quản trị chuyển đổi số cho cán bộ quản lý trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng miền. Đặc thù của các trường này là có nhiều học sinh dân tộc thiểu số, thường ở vùng sâu vùng xa, nên việc chuyển đổi số cần được thực hiện một cách thận trọng và phù hợp. Cán bộ quản lý cần được đào tạo về công nghệ thông tin, an ninh mạng, và quản lý dự án số, đồng thời phải hiểu rõ văn hóa và nhu cầu đặc biệt của học sinh dân tộc thiểu số. Bởi lẽ, các nhà trường đặc thù này không chỉ cần xây dựng chiến lược chuyển đổi số phù hợp với điều kiện của trường, mà còn phải đảm bảo rằng quá trình chuyển đổi số không làm mất đi bản sắc văn hóa của các dân tộc, và hơn thế nữa, có thể tận dụng công nghệ để bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống. Việc nâng cao năng lực quản trị chuyển đổi số cho cán bộ quản lý trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú ngoài tiếp tục thực hiện những nội dung đã được bồi dưỡng đề cập tới ở thực trạng như: công tác quản lý, quản lý học sinh, quản trị hoạt động dạy học và giáo dục, và quản lý tài chính, nội dung tập huấn còn có thể được mở rộng và đào sâu hơn, cần tiếp tục bồi dưỡng và cập nhật kiến thức cho CBQL về các công nghệ mới nổi, kỹ năng lãnh đạo số, và quản lý dự án chuyển đổi số để đảm bảo họ có thể dẫn dắt quá trình chuyển đổi số một cách hiệu quả và bền vững trong trường học mà vẫn bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống. Bên cạnh đó, các cán bộ quản lý nhà trường cũng cần tăng cường hợp tác với cộng đồng địa phương, chia sẻ kinh nghiệm với các trường khác, và liên tục đánh giá, điều chỉnh chiến lược sẽ giúp quá trình chuyển đổi số diễn ra hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và tạo cơ hội bình đẳng cho học sinh dân tộc thiểu số trong kỷ nguyên số.

Thứ 7, xây dựng văn hóa số trong nhà trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú: Xây dựng văn hóa số trong các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú và có học sinh bán trú là một quá trình đòi hỏi sự nhạy cảm văn hóa và cách tiếp cận toàn diện, làm sao để tạo ra một môi trường giáo dục số hóa vừa hiện đại lại vừa tôn trọng đa dạng văn hóa của học sinh các dân tộc. Để thực hiện điều này, các nhà trường có thể triển khai các hoạt động sau:

Nâng cao nhận thức và khuyến khích sự thay đổi: Tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm về lợi ích của chuyển đổi số, sử dụng ngôn ngữ đơn giản và ví dụ thực tế phù hợp với bối cảnh địa phương; Tạo cuộc thi tạo học liệu số cho giáo viên; Tạo các cuộc thi sáng tạo ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề cụ thể của cộng đồng, khuyến khích học sinh tham gia; Tăng cường tuyên truyền sự cần thiết và lợi ích phải chuyển đổi số tới cộng đồng và cha mẹ học sinh...

Phát triển nội dung số đa văn hóa: Xây dựng thư viện số với tài liệu đa ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng dân tộc) về văn hóa, lịch sử địa phương; Phát triển các trò chơi học tập, tích hợp các yếu tố văn hóa dân tộc trong giao diện và nội dung; Tạo podcast giáo dục bằng tiếng dân tộc, giúp học sinh tiếp cận kiến thức qua kênh âm thanh quen thuộc...

Xây dựng mạng lưới chia sẻ và học hỏi: Xây dựng các kho học liệu số, trò chơi tương tác, đề thi số; Tạo group chat hoặc forum online cho giáo viên và cán bộ quản lý trao đổi về thách thức và giải pháp trong quá trình chuyển đổi số trong trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú; Tổ chức chuyến tham quan học tập với các trường đã thành công trong chuyển đổi số; Tổ chức diễn đàn trực tuyến định kỳ giữa các trường phổ thông dân tộc nội trú và phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú để chia sẻ kinh nghiệm quản trị chuyển đổi số;...

Tích hợp công nghệ và tuyên truyền văn hóa truyền thống: Phát triển dự án "Số hóa di sản văn hóa" cho học sinh, sử dụng công nghệ để ghi lại và chia sẻ các truyền thống, lễ hội địa phương; Tổ chức "Ngày hội công nghệ và văn hóa dân tộc", kết hợp trưng bày công nghệ mới với các hoạt động văn hóa truyền thống...

Bồi dưỡng và hỗ trợ: Tổ chức các khóa bồi dưỡng về năng lực số cơ bản cho giáo viên và học sinh, có hướng dẫn bằng tiếng dân tộc nếu cần thiết; Thành lập đội ngũ "Đại sứ số" gồm giáo viên và học sinh tiên phong, hỗ trợ đồng nghiệp và bạn bè trong việc sử dụng công nghệ; Cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng công nghệ bằng cả tiếng Việt và tiếng dân tộc, dưới dạng văn bản và video...

Thông qua việc triển khai các hoạt động này, nhà trường có thể xây dựng một văn hóa số vừa hiện đại vừa đậm đà bản sắc dân tộc, tạo môi trường học tập tích cực và hiệu quả cho học sinh các dân tộc thiểu số.

4. Kết luận

Nghiên cứu đã chỉ ra thực trạng quản trị chuyển đổi số trong các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú và phổ thông có học sinh bán trú tại Việt Nam. Kết quả cho thấy mặc dù đã có những tiến bộ nhất định, vẫn còn nhiều thách thức trong quá trình chuyển đổi số tại các trường này. Để cải thiện thực trạng, nghiên cứu đề xuất bảy giải pháp chính: (1) Tăng cường số hóa tài liệu học tập, (2) Cải thiện cơ sở hạ tầng công nghệ, (3) Nâng cao năng lực sử dụng công nghệ của giáo viên, (4) Mở rộng triển khai dịch vụ công trực tuyến, (5) Phát triển chiến lược quản trị dữ liệu, (6) Tăng cường năng lực quản trị chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, và (7) Xây dựng văn hóa số trong nhà trường. Việc thực hiện hiệu quả các giải pháp này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, mà còn giúp thu hẹp khoảng cách số và tạo cơ hội bình đẳng cho học sinh dân tộc thiểu số trong kỷ nguyên số. Đồng thời, quá trình chuyển đổi số cần được thực hiện một cách cẩn trọng, đảm bảo sự cân bằng giữa áp dụng công nghệ mới và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc. Nghiên cứu này cung cấp cơ sở cho việc hoạch định chính sách và triển khai các chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là đối với các trường phổ thông ở vùng dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, cần có thêm các nghiên cứu sâu hơn về tác động của chuyển đổi số đối với kết quả học tập của học sinh và hiệu quả quản lý của nhà trường trong bối cảnh đặc thù này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.
- [2] Norton, A., Shroff, S., & Edwards, N. (2020). Digital Transformation: An Enterprise Architecture Perspective. Publish Nation Limited, UK.
- [3] Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định 131/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030".
- [4] Thủ tướng Chính phủ. (2024). Chỉ thị số 04/CT-TTg về Tiếp tục triển khai đề án phát triển đề án ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các Bộ, Ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp sau
- [5] Trần Khánh Đức (2014). Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI. Nhà xuất bản Giáo dục.
- [6] Vial, Gregory (2019). Understanding digital transformation: A review and a research agenda. The Journal of Strategic Information Systems. <https://doi.org/10.1016/j.jsis.2019.01.003>

ABSTRACT

Digital transformation management in ethnic boarding schools, semi-boarding ethnic schools, and semi-boarding schools in Vietnam

This study focuses on digital transformation management in ethnic boarding schools, semi-boarding ethnic schools, and semi-boarding schools in Vietnam. Through a survey of 5,509 administrators and semi-structured interviews with 17 administrators, the study has identified the current state of digital transformation implementation in these schools. The results show that the level of digitalization of educational materials is still low, the technological infrastructure is uneven, teachers' technology usage skills need improvement, and the implementation of online public services is still limited. The study also identifies the content administrators have been trained on regarding digital transformation management. Based on this, the article proposes solutions to improve digital transformation management and build a digital culture in these schools, contributing to enhancing educational quality and creating equal opportunities for ethnic minority students in the digital era.

Keywords: Digital transformation, digital transformation management, ethnic boarding schools, semi-boarding ethnic schools, semi-boarding schools.